TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình

Ông Nguyễn Hữu Bình

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2023/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Tuyết T; ĐKTT: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Y; cư trú tại thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Vũ Tuyết T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Tuyết T và ông Trần Văn Y kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 11 năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn T, xã T. Quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2008 do ông Trần Văn Y nghi ngờ bà có quan hệ ngoại tình với

người khác dẫn đến bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2008, bà đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã T sống ly thân với ông Trần Văn Y; hiện tại không ai còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Vũ Tuyết T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Thị T1 – sinh năm 2001 và Trần Văn Q – sinh năm 2004; các con chung hiện đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Bà Vũ Tuyết T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn Y, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Trần Văn Y đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của ông Trần Văn Y trước yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Tuyết T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên đã không chấp hành các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Vũ Tuyết T được ly hôn với ông Trần Văn Y; về con chung, các con chung Trần Thị T1 – sinh năm 2001 và Trần Văn Q – sinh năm 2004 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống; về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Vũ Tuyết T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn, ông Trần Văn Y có nơi cư trú tại thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện T. Bà Vũ Tuyết T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trần Văn Y đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên toà nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ

án đã xác định bà Vũ Tuyết T và ông Trần Văn Y kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 11 năm 2001. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Vũ Tuyết T và ông Trần Văn Y đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho bà Vũ Tuyết T được ly hôn với ông Trần Văn Y.

[3] Về con chung: Bà Vũ Tuyết T và ông Trần Văn Y có các con Trần Thị T1 – sinh năm 2001 và Trần Văn Q – sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Vũ Tuyết T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Tuyết T được ly hôn với ông Trần Văn Y.

2. Về con chung: Các con chung Trần Thị T1 – sinh năm 2001 và Trần Văn Q – sinh năm 2004 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Tuyết T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Vũ Tuyết T đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (theo Biên lai thu tiền số 0006437 ngày 13 tháng 3 năm 2023) nên không phải nộp nữa.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự T;
- UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 38/2001);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch